

NHỮNG VẤN ĐỀ ĐANG ĐẶT RA ĐỐI VỚI NGÀNH CÔNG NGHIỆP PHỤC VỤ NÔNG NGHIỆP KHU VỰC TÂY NAM BỘ

Trịnh Xuân Thắng*

TÓM TẮT

Việc chỉ ra những bất cập trong ngành công nghiệp phục vụ nông nghiệp ở khu vực Tây Nam Bộ là rất cần thiết để vùng có những giải pháp phù hợp tháo gỡ khó khăn đưa ngành công nghiệp phục vụ nông nghiệp phát triển. Vì vậy, bài viết sẽ chỉ ra những vấn đề đang đặt ra đối với ngành công nghiệp phục vụ nông nghiệp ở khu vực Tây Nam Bộ về vốn, công nghệ, thị trường, nhân lực, thương hiệu, nguyên liệu, liên kết... Bài viết cũng tìm các nguyên nhân dẫn đến những hạn chế trong phát triển ngành công nghiệp phục vụ nông nghiệp khu vực Tây Nam Bộ như công tác quy hoạch, các chính sách hỗ trợ, công tác đào tạo nhân lực, những yếu kém từ chính trong người nông dân và doanh nghiệp...

ABSTRACT

Addressing the shortcomings in the agricultural service industry in the South West region of Vietnam is essential for the region to take appropriate measures to tackle the problem of developing the agricultural service industry. Therefore, the article will point out the issues facing the agricultural service industry in the South West region in terms of capital, technology, markets, human resources, trademarks, raw materials, and linkages. The article also seeks to limit the development of the agricultural industry in the South West region such as planning, support policies, human resource training, the main disadvantage of farmers and businesses.

1. Những vấn đề đang đặt ra đối với ngành công nghiệp phục vụ nông nghiệp khu vực Tây Nam Bộ

Một là, các doanh nghiệp sản xuất công nghiệp phục vụ nông nghiệp chủ yếu là doanh nghiệp nhỏ và vừa, quy mô vốn, nhu cầu sử dụng lao động và doanh thu ít. Đây là yếu tố hạn chế sức cạnh tranh của ngành công

ng nghiệp phục vụ nông nghiệp ở Tây Nam Bộ. Khảo sát 300 phiếu cho doanh nghiệp sản xuất công nghiệp phục vụ nông nghiệp ở khu vực Tây Nam Bộ cho thấy doanh nghiệp vốn dưới 500 triệu đồng chiếm 20% doanh nghiệp trả lời, vốn từ 500 triệu đến 1 tỷ chiếm 41% doanh nghiệp khảo sát, vốn từ 1 tỷ đến 5 tỷ 32% doanh nghiệp chỉ có 6% là vốn trên 5 tỷ. Doanh thu 1 năm dưới 500 triệu chiếm 19% doanh nghiệp, doanh thu từ 500 đến 1 tỷ chiếm

* Thạc sĩ, Học viện Chính trị khu vực IV

47% doanh nghiệp và từ 1 đến 5 tỷ chiếm 31% doanh nghiệp được khảo sát¹. Vì quy mô sản xuất nhỏ nên nhu cầu về lao động ít. Doanh nghiệp sử dụng lao động dưới 10 người chiếm 60%, lao động từ 10 đến 50 người chiếm 3% doanh nghiệp khảo sát.

Hai là, vốn ít, doanh thu lợi nhuận ít, các doanh nghiệp không có tiền để đổi mới công nghệ, thiết bị nên trình độ công nghệ, thiết bị của nhiều doanh nghiệp công nghiệp phục vụ nông nghiệp còn lạc hậu hoặc trung bình, những doanh nghiệp có trình độ công nghệ tiên tiến thường là những doanh nghiệp sản xuất hàng xuất khẩu. Cơ sở doanh nghiệp nhỏ áp dụng máy móc thiết bị nhưng công nghệ lạc hậu hoặc chỉ đầu tư 1 phần công đoạn trong quá trình sản xuất cho nên chất lượng sản phẩm chưa cao, giá thành chưa cạnh tranh. Do trình độ công nghệ thấp nên các sản phẩm sơ chế, các sản phẩm có giá trị gia tăng thấp vẫn còn chiếm một tỷ trọng lớn trong xuất khẩu nông sản của vùng. Gạo xuất khẩu chủ yếu là loại chất lượng thấp; thủy sản đông lạnh cũng đa phần là chỉ cắt bỏ những phụ phẩm rồi đóng gói; trái cây cũng vậy,.. Vì sản phẩm chế biến còn đơn điệu, việc đầu tư chế biến sâu, sản xuất ra các sản phẩm có giá trị gia tăng cao còn chiếm tỷ lệ nhỏ trong tổng sản lượng cho nên lợi nhuận của các doanh nghiệp chế biến thấp dẫn đến phải hạ thấp giá mua nguyên liệu gây thiệt hại cho người nông dân, làm xói mòn quan hệ kinh tế giữa các bên. Biểu hiện của trình độ, công nghệ thấp thể hiện qua số liệu khảo sát 300 doanh nghiệp cho thấy Máy

móc giá trị dưới 1 tỷ có 50% doanh nghiệp, 43% doanh nghiệp đầu tư máy móc từ 1 đến 5 tỷ. 56% doanh nghiệp trả lời trình độ công nghệ của công nghiệp phục vụ nông nghiệp khu vực Tây Nam Bộ là trung bình, 15% trả lời là trình độ công nghệ tiên tiến².

Ba là, thị trường tiêu thụ của công nghiệp phục vụ nông nghiệp của vùng là rất khó khăn, thiếu ổn định. Điểm khó khăn nhất hiện nay đối với các cơ sở sản xuất dân doanh là thiếu thị trường tiêu thụ sản phẩm. Do sản xuất mang tính tự phát, đơn lẻ nên chỉ thực hiện một số đơn hàng nhất định có sẵn (đối với các đơn vị gia công). Vì vậy, không thể chủ động được thị trường tiêu thụ sản phẩm hoặc phải chịu sự lệ thuộc chi phối quá nhiều vào thị trường vì không nắm bắt đầy đủ thông tin biến động của thị trường tiêu thụ (đối với các đơn vị sơ chế). Doanh nghiệp vừa và nhỏ chưa đảm bảo tiêu chí, quy chuẩn mẫu mã, bao bì sản phẩm và chứng nhận chất lượng, an toàn thực phẩm... để đáp ứng yêu cầu, điều kiện để tham gia cung ứng vào hệ thống phân phối hiện đại, tìm kiếm thị trường ổn định. Đa số sản phẩm công nghiệp phục vụ nông nghiệp của vùng là tiêu thụ trong nước, xuất khẩu để tiêu thụ ở ngoài nước còn hạn chế.

Bốn là, nguồn nguyên liệu phục vụ cho công nghiệp phục vụ nông nghiệp còn thiếu, chưa đảm bảo về số lượng và chất lượng ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất của công nghiệp phục vụ nông nghiệp trong vùng. Nguyên nhân là việc xây dựng các cơ sở sản xuất công nghiệp

¹ Theo số liệu khảo sát của đề tài cấp bộ “Phát triển công nghiệp phục vụ nông nghiệp khu vực Tây Nam Bộ”

² Theo số liệu khảo sát của đề tài cấp bộ “Phát triển công nghiệp phục vụ nông nghiệp khu vực Tây Nam Bộ”

phục vụ nông nghiệp không gắn với quy hoạch vùng nguyên liệu phục vụ cho các cơ sở này. Ngành chế biến nông sản đang thiếu nguyên liệu để sản xuất. Vì vậy, tại Cà Mau, thừa nhà máy chế biến nhưng thiếu tôm nguyên liệu diễn ra khá phổ biến, nhà máy chế biến mới sử dụng 50% công suất, thậm chí nhiều nhà máy chỉ cầm chừng với 10% công suất thiết kế. 30% doanh nghiệp chế biến ở Cà Mau đang đối mặt với nguy cơ phá sản nếu không giải quyết được khó khăn về vùng nguyên liệu¹. Không chỉ thiếu nguyên liệu sản xuất mà chất lượng nguyên liệu không đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm do sản xuất nông nghiệp manh mún, ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm công nghiệp chế biến nông sản. Nhiều mặt hàng chế biến nông sản xuất khẩu như tôm, cá bị trả về do tồn dư thuốc kháng sinh vượt ngưỡng cho phép. Khảo sát 300 doanh nghiệp, cho thấy nguyên liệu trong nước số lượng không đáp ứng được yêu cầu có 48% doanh nghiệp lựa chọn, giá thành cao 44% doanh nghiệp lựa chọn, không có sự tương thích giữa nguyên liệu với công nghệ 30% doanh nghiệp trả lời và chất lượng không đáp ứng 24% doanh nghiệp trả lời².

Năm là, ngành công nghiệp phụ trợ cho công nghiệp phục vụ nông nghiệp của vùng chưa phát triển, gây khó khăn cho ngành công nghiệp phục vụ nông nghiệp. Tồn tại lớn nhất của ngành công nghiệp thức ăn chăn nuôi hiện nay là công nghệ sản xuất premix đều do các công ty nước ngoài nắm giữ. Họ không có

đôi thủ cạnh tranh ở Việt Nam về sản phẩm premix. Bởi nắm thị trường và khống chế giá cả, nên họ sản xuất và bán cho các nhà máy chế biến thức ăn chăn nuôi của Việt Nam mỗi năm hàng trăm nghìn tấn với giá quá đắt, ảnh hưởng đến giá thành và sức cạnh tranh của các mặt hàng công nghiệp phục vụ nông nghiệp trong vùng. Các ngành hỗ trợ cho ngành công nghiệp cơ khí chưa phát triển. Ngành cơ khí sản xuất phụ tùng, linh kiện đi kèm rất yếu. Máy nghiên cứu ra rồi, nhưng không có đơn vị sản xuất linh kiện, phụ tùng hàng loạt nên cũng không thể sản xuất được. Muốn ra được sản phẩm, công nghiệp cơ khí chế tạo phải đi trước một bước. Chính vì thiếu công nghiệp hỗ trợ nên khó khăn lớn nhất để đưa các kết quả nghiên cứu ra ứng dụng đó là mặt bằng công nghệ chế tạo hiện nay rất thấp. Đơn cử như máy cấy, máy GDLH... thực ra VIAEP nghiên cứu thành công từ lâu, nhưng cái khó khi đưa các mẫu linh kiện đi đặt hàng, các đơn vị cơ khí chế tạo đều không sản xuất được các linh kiện phức tạp, hoặc sản xuất được linh kiện đơn giản thì giá thành rất cao, độ bền rất kém. Hiện nay các linh kiện quan trọng của máy cấy, máy gặt đập liên hoàn như trục quay, tay cấy, động cơ, bánh xích, hộp số... chúng ta đều phải nhập khẩu nên càng thiếu đồng bộ, máy hay hỏng, giá thành bị đội lên nên lại càng khó khăn. Ngành công nghiệp chế biến nông sản cũng thiếu những phụ gia cần thiết trong quá trình chế biến. Ngành sản xuất phân bón thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y cũng phải mua các hóa chất cần thiết để pha chế. Công nghiệp phục vụ nông nghiệp Tây Nam Bộ còn bị phụ thuộc vào nguyên phụ liệu của nước ngoài do không phát triển công nghiệp hỗ trợ dẫn tới không chủ động được sản xuất

¹ Theo Báo cáo của Sở Nông nghiệp Cà Mau

² Theo số liệu khảo sát của đề tài cấp bộ “Phát triển công nghiệp phục vụ nông nghiệp khu vực Tây Nam Bộ”

và giá thành, mua với giá đắt, từ đó hạn chế sức cạnh tranh của công nghiệp phục vụ nông nghiệp của vùng.

Sáu là, công nghiệp phục vụ nông nghiệp của vùng cũng chưa chú ý đến việc xây dựng thương hiệu cho các sản phẩm của mình. Nhu cầu sử dụng dấu hiệu chỉ dẫn địa lý của người dân, doanh nghiệp trong nước còn hạn chế do quy mô sản xuất nhỏ và hoạt động thương mại theo phương thức truyền thống nên chưa hình thành các chuỗi cung ứng khép kín và đảm bảo tiêu chuẩn đặt hàng của đối tác. Các doanh nghiệp sản xuất theo tiêu chuẩn chất lượng của khách hàng mà không áp dụng tiêu chuẩn riêng của mình, chưa chú ý đến áp dụng các tiêu chuẩn quốc tế trong sản xuất nhằm đảm bảo chất lượng, vệ sinh an toàn thực phẩm và xây dựng thương hiệu riêng. Nhiều sản phẩm nông sản của vùng Tây Nam Bộ xuất khẩu ra nước ngoài không có thương hiệu, phải mang thương hiệu của nước khác.

Bảy là, nhân lực cho ngành công nghiệp phục vụ nông nghiệp vừa thiếu, vừa yếu làm cản trở sự phát triển của ngành. Trước hết là đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật phục vụ cho hoạt động nghiên cứu, giảng dạy các ngành liên quan đến công nghiệp phục vụ nông nghiệp thiếu những nhà khoa học, chuyên môn có trình độ, đủ sức sáng tạo ra những công nghệ mới tạo sự phát triển đột phá của ngành. Những người lao động làm cho các cơ sở sản xuất công nghiệp phục vụ nông nghiệp trình độ cũng hạn chế, ảnh hưởng đến việc phát huy hết công năng, hiệu quả của máy móc. Khảo sát 300 doanh nghiệp cho thấy, nếu tính lao động phổ thông 100% thì trình độ đại học chỉ bằng 41%, cao đẳng 55%, trung cấp 43%, như

vậy những người có trình độ chuyên môn kỹ thuật trong các cơ sở này thấp hơn so với lao động phổ thông. 55% doanh nghiệp trả lời khó khăn trong tuyển dụng là thiếu nguồn nhân lực chất lượng cao trong ngành công nghiệp phục vụ nông nghiệp¹.

Tám là, công nghiệp phục vụ nông nghiệp của vùng chưa chú ý đúng mức đến công tác tiếp thị, tìm kiếm thị trường. Trong khi, đây là yếu tố quan trọng quyết định đến sự phát triển của doanh nghiệp bởi vấn đề cốt yếu nhất vẫn là đầu ra của sản phẩm. Khảo sát 300 doanh nghiệp cho thấy, các doanh nghiệp tiếp thị sản phẩm bằng tham gia hội chợ trong nước chiếm 48%, quảng cáo trên phương tiện truyền thông đại chúng chiếm 25%, đáng chú ý 33% trả lời không có hình thức nào tiếp thị nước ngoài rất hạn chế². Doanh nghiệp nhỏ, kinh phí ít nên cũng không đủ nguồn lực để xây dựng, quảng bá thương hiệu ở nước ngoài nhằm tìm kiếm thị trường mới. Chi phí đăng ký thương hiệu và duy trì bộ máy quản lý hệ thống phân phối tại thị trường nước ngoài là rất tốn kém, đó là trở ngại chính đối với doanh nghiệp khi đăng ký thương hiệu, nhãn hiệu nước ngoài.

Chín là, liên kết trong sản xuất công nghiệp phục vụ nông nghiệp của vùng còn yếu, ảnh hưởng đến sự phát triển bền vững của ngành. Mặc dù ở Tây Nam Bộ đã xuất hiện những mô hình liên kết hiệu quả giữa doanh nghiệp và hộ nông dân nhưng chưa nhiều. Ví

¹ Theo số liệu khảo sát của đề tài cấp bộ “Phát triển công nghiệp phục vụ nông nghiệp khu vực Tây Nam Bộ”

² Theo số liệu khảo sát của đề tài cấp bộ “Phát triển công nghiệp phục vụ nông nghiệp khu vực Tây Nam Bộ”

dụ như đã hình thành chuỗi sản xuất thương mại, chế biến tiêu thụ khép kín như chuỗi sản xuất chế biến cá tra của Công ty cổ phần thủy sản Hùng Vương, Công ty cổ phần thủy sản xuất nhập khẩu An Giang. Ở Bến Tre, 90% diện tích vùng nuôi cá tra gắn kết với các nhà máy, ở Đồng Tháp con số này là 61,9% diện tích, An Giang 58%, Vĩnh Long 46,5%, Cần Thơ 23%. Tuy nhiên, sự liên kết giữa doanh nghiệp với nông dân còn lỏng lẻo thể hiện qua nhiều con số. Trong sản xuất lúa gạo 93% sản lượng lúa của nông dân bán cho thương lái, 4,2% sản lượng bán cho công ty, 62% sản lượng công ty mua từ thương lái. Có 39,4 % số hộ liên kết trong tiêu thụ sản phẩm trong đó 81% liên kết với công ty chế biến. Theo khảo sát 300 doanh nghiệp, có 92% doanh nghiệp trả lời không ký hợp đồng tiêu thụ với nông dân. Nguyên nhân của sự thiếu liên kết này là do cả doanh nghiệp và nông dân đều chạy theo lợi ích của mình, chưa có sự hài hòa lợi ích. Cũng theo khảo sát này, có 59% doanh nghiệp trả lời liên kết giữa cơ sở chế biến và nông hộ là lỏng lẻo. Khó khăn trong thực hiện liên kết giữa cơ sở chế biến và nông hộ được lựa chọn nhiều nhất là người nông dân trình độ còn thấp và chạy theo lợi ích cá nhân, có khi không tuân thủ hợp đồng 47% và Các cơ sở sản xuất còn chạy theo lợi ích của mình, chưa đảm bảo tốt lợi ích của nông dân 43%. Khảo sát 300 phiếu đối với nông dân, cho thấy sự thiếu kết hợp hài hòa lợi ích giữa các bên trong thực hiện liên kết dẫn tới liên kết lỏng lẻo. 40% số người trả lời doanh nghiệp bán hoặc cung cấp các nguyên liệu đầu vào sản xuất với giá cao hơn thị trường, 47% cho rằng doanh nghiệp đưa ra nhiều quy định để ép giá sản phẩm. 33% số người trả lời khi

giá thị trường rẻ, doanh nghiệp không mua sản phẩm theo giá đã ký kết; có tới 30% cho rằng nông dân làm các thủ thuật để tăng khối lượng sản phẩm, không tuân thủ các quy trình sản xuất mà doanh nghiệp đưa ra. Sự liên kết lỏng lẻo thể hiện ở sự bẻ kèo của cả hai bên. Doanh nghiệp bội tín, bỏ rơi nông dân khi giá nông sản xuống thấp. Hay khi giá nông sản cao, nông dân bán ra ngoài, không bán đủ số lượng cho doanh nghiệp, khiến doanh nghiệp không đủ nguyên liệu để sản xuất. Thiếu liên kết giữa nông dân với doanh nghiệp làm cho khâu sản xuất tách rời khâu chế biến, dẫn đến tình trạng bất cập là khâu chế biến thiếu nguyên liệu đầu vào đủ về số lượng và đáp ứng tiêu chuẩn chất lượng của các cơ sở chế biến, các doanh nghiệp này thiếu nguồn nguyên liệu ổn định, hoạt động không hết công suất, ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất. Thiếu sự liên kết giữa người sản xuất và người sử dụng (nông dân), ít chú ý điều kiện canh tác, tập quán sản xuất, yêu cầu cụ thể của từng vùng vì vậy mà sản phẩm công nghiệp phục vụ nông nghiệp không thích hợp với yêu cầu của sản xuất nông nghiệp của vùng. Cùng với sự liên kết giữa doanh nghiệp với nông dân, sự liên kết giữa doanh nghiệp với các cơ sở đào tạo, nghiên cứu, liên kết giữa doanh nghiệp với doanh nghiệp để hình thành tập đoàn mạnh, đủ sức cạnh tranh trên thị trường quốc tế của ngành công nghiệp phục vụ nông nghiệp Tây Nam Bộ thời gian qua vẫn chưa tốt.

2. Nguyên nhân của những hạn chế, bất cập trong phát triển công nghiệp phục vụ nông nghiệp ở vùng Tây Nam Bộ

Có nhiều nguyên nhân dẫn đến những hạn chế, bất cập trong việc phát triển công nghiệp

phục vụ nông nghiệp khu vực Tây Nam Bộ, trong đó có thể chỉ ra một số nguyên nhân cơ bản như sau:

Thứ nhất, công tác quy hoạch phát triển nông nghiệp, công nghiệp phục vụ nông nghiệp của vùng còn nhiều hạn chế.

Quy hoạch đất trồng lúa, nuôi trồng thủy sản, trồng cây ăn trái của vùng thực hiện còn chậm hoặc đã có quy hoạch nhưng chất lượng chưa tốt, kỷ cương, kỷ luật quy hoạch chưa nghiêm, chưa khai thác tốt tiềm năng và đạt hiệu quả các mặt hàng nông sản chủ lực. Sự chuyển đổi cơ cấu sản xuất trong nội bộ ngành nông nghiệp của vùng khu vực Tây Nam Bộ từ lúa sang nuôi tôm, từ rừng sang nuôi trồng thủy sản đang diễn ra hết sức sôi động nhưng hết sức tràn lan, tự phát và thiếu quy hoạch đồng bộ. Sản xuất nông nghiệp nhiều nơi vượt quá diện tích, số lượng so với quy hoạch nhưng không có sự điều chỉnh. Vì quy hoạch nông nghiệp không dựa trên nhu cầu thị trường, điều kiện thực tế nên quy hoạch công nghiệp phục vụ nông nghiệp cũng còn hạn chế, do quy hoạch công nghiệp phục vụ nông nghiệp phải dựa trên quy hoạch nông nghiệp. Quy hoạch phát triển các ngành công nghiệp chế biến, công nghiệp cơ khí phục vụ nông nghiệp vẫn chưa có tính chiến lược, chưa có trọng tâm, trọng điểm, chưa gắn với lợi ích phát triển nông nghiệp. Một bộ phận cán bộ có chức năng hoạch định chiến lược chưa tìm hiểu sâu vùng đất Tây Nam Bộ.

Trong quy hoạch công nghiệp phục vụ nông nghiệp, nhiều tỉnh chưa quan tâm đúng mức đến việc quy hoạch xây dựng vùng nguyên liệu cho công nghiệp chế biến, nên nhiều nhà máy công suất hiện đại nhưng không đủ nguyên

liệu để sản xuất. Thiếu quy hoạch vùng nguyên liệu cho các nhà máy và chính sách đồng bộ triển khai quy hoạch cho vùng nguyên liệu tập trung, chưa quan tâm đến việc cải tạo giống đưa giống mới vào sản xuất, áp dụng quy trình công nghệ tiên tiến còn chậm nên vùng nguyên liệu trong quy hoạch cũng không sản xuất được các sản phẩm có năng suất, chất lượng phục vụ cho ngành công nghiệp chế biến nông sản, làm giảm khả năng cạnh tranh của ngành.

Việc lập quy hoạch và quản lý quy hoạch sử dụng đất thuộc Bộ tài nguyên vào Sở tài nguyên nhưng triển khai quy hoạch các sản phẩm nông nghiệp gắn với sử dụng đất nông nghiệp thuộc về Bộ nông nghiệp, Sở nông nghiệp nên nhiều quy hoạch phê duyệt nhưng không được thực thi. Hơn nữa, do chưa có bộ phận chuyên môn theo dõi các quy hoạch, chính sách được phê duyệt, công tác tuyên truyền về các quy hoạch chưa được phổ biến rộng rãi nên nhiều khi các cấp, ngành chức năng xây dựng quy hoạch nhưng người dân, doanh nghiệp không biết quy hoạch, không thực hiện theo đúng quy hoạch.

Thứ hai, các chính sách hỗ trợ phát triển công nghiệp phục vụ nông nghiệp từ phía nhà nước còn hạn chế (chính sách tín dụng, công nghệ, thị trường, nhân lực, chính sách liên kết kinh tế...).

Trong những năm qua, nhà nước đã ban hành nhiều chính sách hỗ trợ cho các ngành công nghiệp phục vụ nông nghiệp như ngành công nghiệp chế biến nông sản, cơ khí nông nghiệp, sản xuất thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y, phân bón, sản xuất thức ăn chăn nuôi... Các chính sách cũng khá toàn diện bao gồm chính sách thu hút đầu tư, chính sách tín dụng,

chính sách thúc đẩy phát triển công nghệ trong sản xuất, chính sách về thị trường, nhân lực, liên kết kinh tế... Các chính sách này đã được triển khai ở các tỉnh Tây Nam Bộ. Tuy nhiên, các chính sách hỗ trợ cho công nghiệp phục vụ nông nghiệp triển khai trên thực tế cũng còn nhiều bất cập, cũng là nguyên do khiến ngành công nghiệp phục vụ nông nghiệp vùng Tây Nam Bộ chưa phát triển xứng với tiềm năng.

Thứ ba, công tác đào tạo nguồn nhân lực cho ngành công nghiệp phục vụ nông nghiệp trong vùng còn nhiều hạn chế. Các tỉnh Tây Nam Bộ vốn ít các trường đại học, cao đẳng, dạy nghề so với các vùng khác trong vùng, nhưng các trường có đào tạo những ngành nghề phục vụ cho phát triển công nghiệp phục vụ nông nghiệp chưa nhiều. Ví dụ như đào tạo nguồn nhân lực cho ngành công nghiệp cơ khí nông nghiệp, ở vùng có hai trường đào tạo là trường cao đẳng cơ điện và nông thôn Nam Bộ và khoa cơ khí nông nghiệp trường đại học Cần Thơ. Tuy nhiên, số lượng người theo học những ngành này gần như không có nên không tuyển sinh được. Trường cao đẳng Cơ điện và nông thôn Nam Bộ từ năm 1979 đến 1995 mỗi năm đào tạo trung bình 150 sinh viên ngành sử dụng cơ khí nông nghiệp, từ 1996 đến nay, đã 15 năm không có học viên theo học. Khoa cơ khí nông nghiệp trường Đại học Cần Thơ, từ 1999 đến nay, 11 năm không có sinh viên theo học ngành cơ khí nông nghiệp. Số lượng sinh viên trên tổng số dân của vùng Tây Nam Bộ đã ít lại theo học những ngành nghề “hot” như kế toán, tài chính mà rất ít sinh viên theo học ngành nông nghiệp, công nghiệp phục vụ nông nghiệp những ngành thế mạnh của vùng. Số lượng đào tạo ít, chất lượng lại không đảm bảo do thiếu đầu tư và đội ngũ giảng viên còn

hạn chế dẫn tới công tác đào tạo nguồn nhân lực cho ngành công nghiệp này chưa đáp ứng được yêu cầu cung cấp nguồn nhân lực đủ về số lượng, đảm bảo về chất lượng cho sự phát triển của ngành công nghiệp phục vụ nông nghiệp.

Thứ tư, hạ tầng cơ sở còn nhiều yếu kém, chưa thu hút được nhiều thành phần kinh tế tham gia phát triển công nghiệp phục vụ nông nghiệp.

Hạ tầng giao thông ở Tây Nam Bộ đặc biệt là giao thông đường bộ còn hạn chế, do kinh phí đầu tư lớn, phải xây dựng nhiều cầu cống. Những địa bàn sản xuất nông nghiệp nhiều khi cách biệt với đường lộ lớn. Kết cấu hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật cần thiết để đảm bảo phát triển một nền nông nghiệp hiện đại có tính liên kết cao từ sản xuất đến chế biến và tiêu thụ còn thiếu. Thiếu sự kết nối hạ tầng giữa vùng sản xuất nông nghiệp và các cơ sở sản xuất. Việc điều tra cơ sở hạ tầng còn chưa kịp với tốc độ phát triển của ngành công nghiệp chế biến. Một số nhà máy xây dựng không đáp ứng đủ nhu cầu điện lưới cho dây chuyền công nghệ đi vào sản xuất, đường xá vận chuyển nguyên liệu và sản phẩm làm ra không thuận tiện ảnh hưởng đến giá thành sản phẩm.

Thứ năm, chính sách đối với nông nghiệp chưa phát huy tích cực nhằm tạo điều kiện thuận lợi để phát triển công nghiệp phục vụ nông nghiệp.

Để phát triển công nghiệp phục vụ nông nghiệp, thì nông nghiệp phải phát triển sản xuất hàng hóa lớn, hiện đại, năng suất và chất lượng. Có sản xuất hàng hóa lớn, quy mô lớn mới có nhu cầu sử dụng máy móc, áp dụng

tiến bộ khoa học trong sản xuất... tạo ra thị trường tiêu thụ rộng lớn cho các ngành sản xuất yếu tố đầu vào cho nông nghiệp. Có sản xuất nông nghiệp hàng hóa lớn, hiện đại mới cung cấp nguồn nguyên liệu dồi dào, đủ về số lượng, đảm bảo về chất lượng, an toàn vệ sinh thực phẩm và giá thành cạnh tranh cho công nghiệp chế biến nông sản. Nhận thức được điều này, trong thời gian qua, chúng ta đã có những chính sách nông nghiệp để hỗ trợ xây dựng nền nông nghiệp sản xuất hàng hóa lớn, hiện đại tuy nhiên, việc thực hiện các chính sách này ở khu vực Tây Nam Bộ còn nhiều hạn chế ví dụ như chính sách tích tụ và tập trung ruộng đất, chính sách khuyến nông...

Thứ sáu, do tập quán, thói quen của người nông dân và doanh nghiệp và hạn chế trong chính sách của nhà nước nên sự liên kết giữa công nghiệp phục vụ nông nghiệp còn lỏng lẻo.

Do thói quen mua đứt, bán đoạn người nông dân thích hình thức thanh toán tiền mặt ngay sau khi bán và bán nông sản không phân loại kích cỡ, chất lượng. Nếu bán cho công ty thì phải phân loại và việc này hoàn toàn do nhà máy quyết định. Khi giao nông sản người bán mới nhận được giấy bán sau một vài ngày mới nhận được bảng phân loại và giá bán. Mặt khác công ty thường không thanh toán tiền ngay mà thanh toán trả chậm từ 7-15 ngày. Trong khi bán cho thương lái, không bị phân loại, giá cả thỏa thuận và thanh toán tiền ngay. Đối với doanh nghiệp, doanh nghiệp cũng thích mua nguyên liệu từ thương lái, tránh bị rủi ro trên thị trường nông sản. Vì vậy, sự liên kết này trong thời gian qua chưa thực sự bền chặt. Hơn nữa, các chính sách của nhà nước

trong khuyến khích sự liên kết sản xuất còn nhiều bất cập. Các chế tài ràng buộc xử lý vi phạm thường không quy định rõ trong hợp đồng do người có vai trò chủ động trong việc soạn thảo hợp đồng là doanh nghiệp không muốn tự ràng buộc mình. Các doanh nghiệp khi thực hiện liên kết chỉ chú trọng đến nâng cao năng suất tạo ra nhiều sản lượng hơn cho nhu cầu doanh nghiệp mà chưa chú trọng nâng cao chất lượng nông sản để nâng cao giá mua nông sản cho nông dân. Tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm đại đa số thường có sự áp đặt 1 chiều từ phía doanh nghiệp cho nông dân, giá hợp đồng thường quy định cố định và không cao hơn giá thị trường, chưa đảm bảo kết hợp hài hòa lợi ích của doanh nghiệp và người dân. Nhà nước cũng chưa có giải pháp bảo hộ cho vốn và đầu tư vào nguồn nguyên liệu của nhà đầu tư chế biến.

Thứ bảy, bản thân một số các doanh nghiệp, các hộ sản xuất chưa năng động tìm hiểu và thích ứng với thị trường, có chiến lược kinh doanh dài hạn, xây dựng thương hiệu.

Để phát triển ngành công nghiệp phục vụ nông nghiệp, ngoài những chính sách hỗ trợ của nhà nước thì sự tự nỗ lực vươn lên của các doanh nghiệp là yếu tố quyết định. Tuy nhiên do quy mô sản xuất nhỏ, trình độ công nghệ còn hạn chế, các doanh nghiệp chưa có hệ thống phân phối đến tận tay người tiêu dùng nên chưa nắm bắt được nhu cầu của thị trường để sản xuất phù hợp. Các doanh nghiệp còn thiếu một chiến lược kinh doanh dài hạn, nghiên cứu tìm hiểu các thị trường tiềm năng muốn hướng đến, các đối thủ cạnh tranh để tìm kiếm thế mạnh và sản xuất đáp ứng nhu cầu của thị trường. Khi sản xuất không đáp ứng

được yêu cầu của thị trường, thị trường tiêu thụ hạn hẹp thì doanh nghiệp sẽ dần bị xóa bỏ.

Thứ tám, người nông dân còn hạn chế về trình độ để sản xuất nông nghiệp trình độ cao, tâm lý tiểu nông, tầm nhìn còn hạn hẹp... cũng ảnh hưởng đến sự phát triển của ngành công nghiệp phục vụ nông nghiệp.

Người nông dân hạn chế về trình độ ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất nông nghiệp, đến việc ứng dụng khoa học, công nghệ-những yếu tố đầu vào cho nông nghiệp và sản phẩm nông dân làm ra không đảm bảo về chất lượng cho công nghiệp tiêu thụ đầu ra. Vùng Tây Nam Bộ, mặt bằng dân trí thấp nhất cả nước do đó trình độ của người nông dân còn hạn chế. Nông dân không đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật trong sản xuất nông nghiệp, hoạt động theo thói quen dẫn tới ảnh hưởng đến năng suất, chất liệu nông sản-nguyên liệu đầu vào của ngành công nghiệp chế biến. Nông dân sản xuất nhỏ lẻ, manh mún, thiếu tổ chức dẫn

đến sản xuất không đúng chất, không đủ lượng nông sản, không đúng thời điểm và không đạt giá trị cao phục vụ cho ngành công nghiệp chế biến nông sản. Kỹ năng sơ chế sau thu hoạch của nông dân thấp hơn một số nước trong khu vực, không có các hoạt động chế biến ban đầu để duy trì chất lượng nông sản cho các phương pháp bảo quản nông sản lâu hơn.

Từ những bất cập và nguyên nhân bất cập trong ngành công nghiệp phục vụ nông nghiệp ở khu vực Tây Nam Bộ như đã phân tích, việc nâng cao chất lượng công tác quy hoạch, hoàn thiện các chính sách hỗ trợ, đẩy mạnh công tác đào tạo nhân lực, đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng... là những phương hướng cơ bản để khắc phục những hạn chế của ngành công nghiệp phục vụ nông nghiệp của vùng, tạo tiền đề cho ngành phát triển.

Ngày nhận bài: 8/1/2018

Ngày gửi phản biện: 10/2/2018